

BacterLab Division



Ngày ban hành: 02/01/2025
Phiên bản: 01.2025

BacterTube™
Cary Blair Broth

MÔI TRƯỜNG VẬN CHUYỂN BacterTube™ Cary Blair Broth

Môi trường được sử dụng để vận chuyển mẫu lâm sàng.

Code: 08053



1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

BacterTube™ Cary Blair Broth được khuyến nghị để thu thập và vận chuyển mẫu lâm sàng. Môi trường này cũng được sử dụng để định lượng các vi sinh vật ưa lạnh.

2. NGUYÊN TẮC

BacterTube™ Cary Blair Broth được chuẩn bị với lượng dinh dưỡng tối thiểu để tăng khả năng sống sót của vi sinh vật mà không làm chúng phát triển. Natri thioglycolate được thêm vào môi trường để tạo ra một thế oxy-hóa thấp. pH của môi trường khá kiềm, giúp giảm thiểu sự phá hủy vi khuẩn do sự hình thành axit. Phenol đỏ được thêm vào như một chất chỉ thị, có màu đỏ ở pH kiềm và màu vàng ở pH axit. Môi trường có thể duy trì sự sống của các vi sinh vật khó nuôi cấy chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Để đạt kết quả tốt nhất, nên cấy trực tiếp mẫu vi khuẩn vào môi trường giàu dinh dưỡng ngay khi mẫu được cấy vào môi trường vận chuyển.

3. THÀNH PHẦN CƠ BẢN

Trong 1L môi trường (tham khảo)

Disodium hydrogen phosphate	1,1 g
Sodium thioglycollate	1,1 g
Sodium chloride	5,0 g
Calcium chloride	0,09 g

pH của môi trường hoàn chỉnh ở 25°C: 8,4 ± 0,2

4. CHUẨN BỊ MÔI TRƯỜNG

- Đã môi trường đã được chuẩn bị sẵn, không cần thực hiện pha chế.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Đảm bảo môi trường được đưa về nhiệt độ phòng trước khi sử dụng.
- Thu thập mẫu lâm sàng theo các quy trình chuẩn.
- Đưa hoặc đặt mẫu vào
- Vận chuyển mẫu đến phòng thí nghiệm trong vòng 24 – 48 giờ dưới điều kiện mát.

6. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

BacterLab đảm bảo chất lượng của mỗi lô sản phẩm bằng cách kiểm tra với các chủng chuẩn ATCC.

Chủng chuẩn vi sinh vật	Điều kiện nuôi cấy	Kết quả mong đợi
<i>Salmonella typhimurium</i> ATCC 14028	Ủ trong 18 – 24 giờ ở 35 – 37 °C	Mọc tốt
<i>V.parahaemolyticus</i> ATCC 17802		Mọc tốt
<i>Shigella flexneri</i> ATCC 12022		Mọc tốt
<i>Klebsiella pneumoniae</i> ATCC 13883		Mọc tốt

7. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN

- Bảo quản và lưu trữ: 2 – 8°C.
- Vận chuyển: Nhiệt độ môi trường

8. ĐÓNG GÓI

- Đóng gói: 50 ống/ hộp hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

9. HẠN SỬ DỤNG

- Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

10. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Stuart, Toshach and Pastula, 1954, Can. J. Public Hlth., 45:73.
- Cary and Blair, 1964, J. Bact., 88:96.
- Cary, Fusillo and Harkins, 1965, Am. J. Clin. Pathol., 43:294.
- Gaines, et al, 1965, Am. J. Trop. Med. Hyg., 14:136.
- Morris and Heck, 1978, J. Clin. Microbiol., 8:616.
- Isenberg, H.D. Clinical Microbiology Procedures Handbook 2nd Edition.
- Jorgensen, J.H., Pfaller, M.A., Carroll, K.C., Funke, G., Landry, M.L., Richter, S.S and Warnock., D.W. (2015) Manual of Clinical Microbiology, 11th Edition. Vol. 1.
- HiMedia Laboratories. (2023). Cary Blair Transport Medium Technical Data Sheet. Retrieved from HiMedia.